BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 513 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam đã được Đại hội đại biểu lần thứ III (nhiệm kỳ 2023 - 2028) của Hội Trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công an (C03, C06);
- Lưu: VT, TCPCP, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Chiến Thắng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 513 /QĐ-BNV ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Trí thức Khoa học và Công nghệ trẻ Việt Nam.

2. Tên tiếng Anh: Vietnam Association of young scientists and Engineers.

3. Tên viết tắt tiếng Anh: VAYSE.

4. Biểu tượng của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam (nếu có) được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của các tổ chức, công dân trẻ Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ (hoạt động dựa trên các thành tựu khoa học công nghệ cao) và phục vụ thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng, thương mại công nghệ trên phạm vi cả nước.

2. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết trí thức trẻ Việt Nam ở trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ sáng tạo, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khuyến khích phát huy tính sáng tạo và tài năng phục vụ sự phát triển của thị trường công nghệ và hàng hóa, tạo sự đổi mới thiết thực và đóng góp có hiệu quả vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng (logo), tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại: Số 32/136 phố Trung Liệt, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 02435371517; Email: Headquater@vayse.org. Khi cần thiết, Hội có thể thành lập Văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

3. Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam là hội viên tổ chức của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động của Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ về lĩnh vực hoạt động chính và các Bộ, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản:

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền mục đích của Hội. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến nhiệm vụ của Hội. Bảo vệ danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực, nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện và cung cấp các luận cứ khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trẻ nhằm góp phần vào việc xây dựng chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo quy định của pháp luật.

4. Cập nhập và cung cấp các thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến khoa học và công nghệ trẻ cho các hội viên.

5. Tham gia, phối hợp với cơ quan chức năng bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật; phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật.

6. Được gây quỹ Hội trên cơ sở đóng góp hội phí của Hội viên và các nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện và các dịch vụ khoa học công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao.

8. Xuất bản tạp chí và các ấn phẩm khác thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức biểu dương, khen thưởng hội viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động về khoa học và công nghệ; giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các hội viên.

10. Thành lập và chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức, hoạt động, quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật phù hợp với Điều lệ và lĩnh vực hoạt động của Hội, báo cáo việc thành lập tổ chức pháp nhân với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật. Trợ giúp hội viên trong nghiên cứu liên kết giữa kinh tế với khoa học công nghệ trẻ, góp phần phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế.

12. Được gia nhập các tổ chức quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động của Hội, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế. Báo cáo Bộ Nội vụ và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của Hội trước khi ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Tổ chức các hoạt động của Hội theo đúng tôn chỉ, mục đích, Điều lệ của Hội và các quy định của pháp luật.

2. Chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hội trong quá trình tổ chức các hoạt động của Hội, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, tạp chí, xuất bản, quyền tác giả, quyền liên quan và các quy định pháp luật khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

3. Tổ chức tập hợp, đoàn kết, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội. Hỗ trợ hội viên cùng nhau làm tốt công tác phát triển lĩnh vực khoa học công nghệ và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ ở Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

4. Tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên và cá nhân, tổ chức quan tâm theo quy định của pháp luật. Quản lý, hướng dẫn, giám sát hội viên

tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

5. Đại diện cho hội viên kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước về các chủ trương, chính sách, biện pháp liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ trẻ, công nghệ mới ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho Hội phát triển ổn định và bền vững. Giới thiệu thành tựu và năng lực của các hội viên trong nghiên cứu, tư vấn, phản biện và ứng dụng khoa học và công nghệ trẻ, công nghệ mới vào các lĩnh vực của đời sống xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Mở rộng quan hệ, hợp tác với các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia trong nước và quốc tế để tham quan, gặp gỡ, trao đổi kiến thức, học thuật, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động của Hội và góp phần thúc đẩy khoa học và công nghệ trẻ, công nghệ mới phát triển phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật, thông lệ quốc tế.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các công việc: Hoạt động hàng năm của Hội; tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt; thay đổi địa chỉ trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thành lập Văn phòng đại diện và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

8. Chấp hành sự hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm hòa giải các tranh chấp, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và báo cáo kết quả xác minh, giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

10. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện; biên bản, nghị quyết các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra Hội.

11. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động Hội.

12. Quản lý và sử dụng tài sản, các nguồn tài chính của Hội hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội và được Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định kết nạp;

b) Hội viên liên kết và hội viên danh dự: Các tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới và liên quan, có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam nhưng không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Tổ chức có tư cách pháp nhân của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới được thành lập theo quy định của pháp luật, có đơn tự nguyện đăng ký tham gia hoạt động Hội. Đại diện hội viên tổ chức gia nhập Hội phải là công dân Việt Nam tham gia Hội lần đầu ở thời điểm từ đủ 18 tuổi đến dưới 45 tuổi và tham gia làm lãnh đạo Hội đến thời điểm không quá 65 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ chuyên môn phù hợp, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt;

b) Công dân Việt Nam tham gia Hội lần đầu ở thời điểm từ đủ 18 tuổi đến dưới 45 tuổi và tham gia làm lãnh đạo Hội đến thời điểm không quá 65 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ chuyên môn về lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt đều có thể trở thành Hội viên chính thức của Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ của Hội, các Nghị quyết Đại hội, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

2. Thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn uy tín và đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Đoàn kết, xây dựng Hội phát triển vững mạnh vì lợi ích chung của Hội, hội viên và của đất nước; xây dựng quan hệ hợp tác, giúp đỡ giữa các hội viên.

4. Hội viên chính thức đóng Hội phí theo quy định của Hội, hội viên danh dự và hội viên liên kết không phải đóng hội phí và có thể vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ hoạt động của Hội.

5. Bảo vệ uy tín của Hội, không được tự ý nhân danh Hội hoặc đại diện Hội trong các quan hệ, giao dịch khi không được Hội phân công, giới thiệu bằng văn bản.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội, Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Hội viên chính thức có quyền tham gia thảo luận, biểu quyết chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội, đề đạt, phát biểu ý kiến về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Hội theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Được dự Đại hội, tham gia ứng cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo, Ban Kiểm tra theo quy định của Hội.

3. Được chất vấn về mọi hoạt động của Hội. Được cử tham dự hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ công bố, đăng tải các công trình nghiên cứu khoa học trên tạp chí của Hội (nếu có) theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Được ra khỏi Hội khi đã báo cáo với tổ chức Hội và tự xét thấy không thể tiếp tục tham gia làm hội viên.

5. Được giới thiệu công dân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn tham gia làm hội viên và được hội xem xét khen thưởng nếu có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội theo quy định của Hội, Điều lệ và quy định của pháp luật.

6. Được cấp thẻ "Hội viên Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam". Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể việc ấn hành, cấp phát và quản lý Thẻ hội viên.

7. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và ứng cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 11. Thủ tục và thẩm quyền kết nạp, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục kết nạp hội viên:

a) Công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội thì làm đơn gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định. Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên. Thời gian gia nhập Hội của hội viên tính từ ngày quyết định kết nạp có hiệu lực thi hành.

b) Hồ sơ xin gia nhập Hội gồm:

- Đơn xin gia nhập Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam (theo mẫu);

- Bản sao bằng cấp nghề nghiệp (đối với cá nhân);

- Bản sao Điều lệ, các quy định của tổ chức xin gia nhập và quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền; danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức tham gia hoạt động Hội (đối với hội viên tổ chức);

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt hoặc bị xoá tên khỏi danh sách hội viên của Hội khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia hoạt động Hội. Trong trường hợp này, hội viên thông báo chính thức bằng văn bản cho văn phòng Hội trước (01) một tháng và phải nộp lại Thẻ hội viên;

b) Hội viên hoạt động trái với Điều lệ làm ảnh hưởng đến quyền lợi và uy tín của Hội;

c) Hội viên vi phạm pháp luật bị kết tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội của toà án có hiệu lực pháp luật;

d) Hội viên bị chết, mất tích, tước quyền công dân hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Tổ chức tự ngừng hoạt động, bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động hoặc bị mất tư cách pháp nhân, tuyên bố phá sản;

e) Hội viên không tham gia sinh hoạt hội trong 03 (ba) kỳ liên tiếp, không đóng hội phí trong thời gian từ 01 (một) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

3. Hội viên bị khai trừ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành. Quyết định khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội ký.

4. Văn phòng Hội có trách nhiệm đăng tải danh sách hội viên kết nạp mới và thông báo danh sách hội viên bị xóa tên công khai trên Website của Hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày quyết định xóa tên có hiệu lực.

5. Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính (nếu có) với Hội.

6. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục vào Hội, ra khỏi Hội; quản lý việc cấp phát, sử dụng Thẻ hội viên.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng và các Ban chuyên môn.

6. Chi hội cơ sở thuộc Hội.

7. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội nhiệm kỳ và đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường (sau đây gọi chung là Đại hội). Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm 01 (một) lần do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Thành phần, số lượng đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội bất thường được Ban Chấp hành Hội triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên trong Ban Chấp hành Hội hoặc khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị. Nội dung của Đại hội bất thường do Ban Chấp hành Hội quyết định.

3. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Xem xét, thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo tài chính của Hội;

c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);

d) Quyết định số và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định khen thưởng đối với hội viên của Hội;

e) Thảo luận và thông qua quyết định về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể Hội (nếu có);

g) Thông qua quyết định gia nhập các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội (nếu có);

h) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội;

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Việc lựa chọn hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín tại Đại hội do Đại hội quyết định;

b) Các Nghị quyết của Đại hội được biểu quyết thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành. Riêng trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc giải thể Hội thì phải được sự nhất trí của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

5. Báo cáo kết quả Đại hội:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày sau Đại hội, Hội gửi tài liệu báo cáo kết quả Đại hội đến Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành Hội do Đại hội quyết định và bầu trực tiếp tại Đại hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Chấp hành Hội họp định kỳ 01 (một) năm 01 (một) lần. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập họp hội nghị Ban Chấp hành Hội bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ để giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách của Hội hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành Hội đề nghị. Chương trình, tài liệu hội nghị được gửi cho các ủy viên Ban Chấp hành Hội ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự định diễn ra hội nghị.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai và lãnh đạo thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành và Điều lệ Hội; lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội; xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm và cả nhiệm kỳ của Hội theo nghị quyết Đại hội;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Hội. Xây dựng và ban hành các quy chế của Hội: Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế hoạt động của Ban Thường vụ; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy định về việc kết nạp và xóa tên hội viên; Các quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

d) Quyết định số lượng và bầu Ban Thường vụ; bầu, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; bầu bổ sung Trưởng Ban kiểm tra Hội trong trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm tra giữa nhiệm kỳ. Số ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung hoặc thay thế trong nhiệm kỳ không được quá số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

đ) Phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức liên quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để góp phần phát triển Hội;

e) Quyết định các vấn đề khác, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Các cuộc họp của Ban Chấp hành được xem là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số lượng uỷ viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán, thiểu số phục tùng đa số. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì hội nghị. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay

hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết tại cuộc họp Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội quyết định;

c) Giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thì Ban Chấp hành có thể hội ý, thảo luận, thông qua lấy ý kiến bằng văn bản;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội; ký kết hợp đồng lao động đối với nhân sự Văn phòng, các ban chuyên môn, các đơn vị thuộc Hội (nếu có);

d) Quyết định việc kết nạp và xoá tên hội viên; khen thưởng, kỷ luật hội viên theo quy định hoặc quy chế do Ban Chấp hành ban hành; xem xét, giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến Hội, hội viên theo quy chế, Điều lệ và quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành và thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Hội giao.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần. Trường hợp khi cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập họp Ban Thường vụ bất thường để giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách phát sinh hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên trong Ban Thường vụ yêu cầu. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành;

c) Giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Thường vụ có thể hội ý, thảo luận, thông qua lấy ý kiến bằng văn bản;

d) Các cuộc họp của Ban Thường vụ được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số số uỷ viên Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết tại cuộc họp Ban Thường vụ do Ban Thường vụ quyết định. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số uỷ viên. Trưởng Ban Kiểm tra phải là ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội, hội viên;

b) Kiểm tra tư cách hội viên, kiểm tra hoạt động của hội viên để trình Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định biểu dương, khen thưởng, đồng thời phát hiện các vi phạm để kịp thời chấn chỉnh, xử lý;

c) Kiểm tra những vấn đề do hội viên, chi hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội theo yêu cầu của cơ quan chức năng nhà nước có thẩm quyền. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của các tổ chức thuộc Hội;

d) Tổng hợp, đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội xem xét, giải quyết các tranh chấp, đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và cá nhân, công dân gửi đến có liên quan đến Hội, hội viên và các tổ chức trực thuộc Hội;

đ) Kết luận các đợt kiểm tra phải được Ban Kiểm tra thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ và Đại hội theo quy chế hoạt động của Hội.

3. Ban Kiểm tra họp định kỳ 06 (sáu) tháng 01 (một) lần. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các tổ chức cơ sở thuộc Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội cung cấp thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra của Ban Kiểm tra.

4. Ban Kiểm tra Hội hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Trường hợp giữa nhiệm kỳ nếu khuyết ủy viên Ban Kiểm tra thì Ban Chấp hành bầu bổ sung hoặc thay thế. Số lượng ủy viên Ban Kiểm tra được bổ sung hoặc thay thế không được vượt quá số lượng ủy viên Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các uỷ viên Ban Thường vụ, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật và là chủ tài khoản của Hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội theo nhiệm kỳ của Đại hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội. Lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội và nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội; ký ban hành quy chế quản lý và hoạt động của Hội; các nghị quyết, quyết định sau khi đã được Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội thông qua;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

3. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội có thể uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

4. Phó Chủ tịch Hội

a) Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công phụ trách một số mặt hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội; Tiêu chuẩn, số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định;

b) Trong trường hợp được ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội điều hành các hoạt động của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội.

Điều 18. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu. Nhiệm vụ của Tổng Thư ký do Chủ tịch Hội phân công và điều hành mọi hoạt động thường ngày của Hội và Văn phòng Hội.

2. Tổng Thư ký có nhiệm vụ: Chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành Hội; định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Hội; lập báo cáo hàng năm, báo cáo hoạt động nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội; quản lý tài liệu, tài sản và tài chính của Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội.

3. Tổng Thư ký Hội làm thư ký trong các kỳ họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội

1. Văn phòng Hội là cơ quan giúp việc của Hội do Chánh Văn phòng đảm nhiệm, có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội và thực hiện các công việc hành chính tổng hợp; thu thập và cung cấp thông tin cho hội viên; phục vụ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Hội.

2. Khi có nhu cầu, Hội có thể thành lập các ban chuyên môn giúp việc do Ban Chấp hành Hội đề xuất để thực hiện các chương trình, dự án, đề án của Hội. Nhân viên của Văn phòng Hội được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng. Khi cần, Hội có thể mời một số chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Tuỳ theo nhu cầu công tác, Hội có thể thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc (viện, trung tâm nghiên cứu, tạp chí và các tổ chức khác) có lĩnh vực hoạt động phù hợp với Điều lệ Hội theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn tổ chức này hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hoặc phê duyệt quy chế hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật.

4. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Hội, Văn phòng và các ban chuyên môn.

Điều 20. Chi hội cơ sở thuộc Hội

1. Các tổ chức, địa phương khi có từ 05 hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội cơ sở không có tư cách pháp nhân thuộc Hội. Chi hội cơ sở bầu ra Ban Chấp hành chi hội, nhiệm kỳ 05 (năm) năm. Ban Chấp hành Chi hội bầu ra Chi hội trưởng, Chi hội phó.

2. Chi hội cơ sở sinh hoạt thường kỳ 06 (sáu) tháng 01 (một) lần và có nhiệm vụ thực hiện Điều lệ và các nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập Chi hội cơ sở thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các vấn đề về tài sản, tài chính, quyền và nghĩa vụ của Hội liên quan đến việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hằng năm của hội viên (nếu có);

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi cho các hoạt động truyền thông, nghiên cứu khoa học và các công việc khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội;

- Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho hội viên;

- Chi cho các hoạt động thuê trụ sở, văn phòng và các công việc hành chính khác của Hội;

- Chi lương, phụ cấp, khen thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên chuyên trách (nếu có);

- Chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao (nếu có);

- Các khoản chi khác (nếu có).

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội gồm: Trụ sở, các phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động Hội và các tài sản khác (nếu có);

b) Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo quản và sử dụng tài sản của Hội đúng mục đích, có hiệu quả.

3. Các nguồn tài chính thu từ hoạt động dịch vụ của Hội và các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật phải dành cho hoạt động của Hội, không được chia cho hội viên.

Điều 23. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Ban Chấp hành Hội xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội phù hợp với tình hình cụ thể của Hội và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Báo cáo tài chính hàng năm của Hội phải được thực hiện theo quy định pháp luật, báo cáo trong Hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội và công khai theo quy chế tài chính của Hội.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội và quy định của pháp luật.

3. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý và sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 24. Quyết toán tài chính

Hàng năm Hội phải báo cáo quyết toán tài chính theo quy định quản lý tài chính hiện hành của nhà nước gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết toán tài chính của Hội được thực hiện theo năm tài chính và được thông báo tới các hội viên.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên của Hội có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, chấm dứt và xóa tên. Trường hợp gây thiệt hại lớn tới tài sản của Hội thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải được Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ III (nhiệm kỳ 2023 - 2028) của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam biểu quyết thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội, Ban Chấp hành Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.